

Số: 08 /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau**



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (sửa đổi, bổ sung ngày 25/6/2025);

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng);

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 643/TTr-SNNMT ngày 30/12/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, áp dụng trên 02 điều kiện lập địa là đất rừng ngập mặn và đất rừng ngập phèn quy hoạch cho lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng:

Chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định, nhưng chủ dự án không tự tổ chức trồng rừng thay thế. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Điều 2. Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1. Điều kiện lập địa đất rừng ngập mặn:

a) Đơn giá 01 ha trồng rừng thay thế, với mức giá 85.700.000 đồng cho loài cây đước đôi (*Rhizophora apiculata*) trồng bằng trụ mầm.

b) Đơn giá 01 ha trồng rừng thay thế, với mức giá 236.710.000 đồng cho các loài cây: mắm trắng (*Avicennia alba*), mắm biển (*Avicennia marina*) và đưng (*Rhizophora mucronata*) trồng bằng cây con trong túi bầu.

2. Điều kiện lập địa đất rừng ngập phèn:

Đơn giá 01 ha trồng rừng thay thế, với mức giá 83.250.000 đồng cho loài cây tràm cừ (*Melaleuca cajuputi*) trồng bằng cây con rễ trần.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng và điều chỉnh đơn giá

1. Đơn giá trồng rừng thay thế quy định tại Điều 2 Quyết định này là cơ sở để chủ dự án (các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư) thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Cà Mau khi không tự thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định pháp luật.

2. Đối với dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, số tiền trồng rừng thay thế phải nộp bằng 03 (ba) lần so với chuyển mục đích sử dụng rừng trồng theo đơn giá quy định tại Điều 2 Quyết định này, theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra các chủ dự án thực hiện việc nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, phân giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và hướng dẫn các chủ rừng, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập hồ sơ, trình tự, thủ tục đầu tư lâm sinh, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hoàn thành diện tích trồng rừng đảm bảo chất lượng, đúng quy định. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương kết quả thực hiện theo quy định.

c) Trong trường hợp có biến động về giá nhân công, vật tư hoặc điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh đúng quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường phân giao chỉ tiêu, kinh phí và hướng dẫn các chủ rừng, địa phương, đơn vị được giao nhiệm vụ trồng rừng thay thế thực hiện trình tự, thủ tục về sử dụng, quản lý, thanh quyết toán nguồn kinh phí trồng rừng bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định.

3. Các chủ rừng, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ trồng rừng thay thế có trách nhiệm lập hồ sơ, trình tự, thủ tục đầu tư lâm sinh, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đúng quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện quyết định này; tổ chức, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn quản lý.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XX, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - BTP;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (đăng thông tin);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT, Gi05/QĐ, KP77/01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử